



## SANG CHẤN TÂM LÝ TRONG THƠ LÝ TỬ TẤN SAU VỤ ÁN LỆ CHI VIÊN

PSYCHOLOGICAL TRAUMA IN LY TU TAN'S POETRY AFTER THE LE CHI VIEN CASE

Nguyễn Công Lý<sup>1\*</sup>, Hoàng Văn Cường<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh

<sup>2</sup>Trường Đại học Văn Hiến Thành phố Hồ Chí Minh

DOI: <https://doi.org/10.65934/mkusj.2026.44.1252>

\*Email: [nguyencongly54@yahoo.com.vn](mailto:nguyencongly54@yahoo.com.vn)

Ngày nhận bài: 31/03/2026

Ngày phản biện: 05/05/2026

Ngày duyệt bài: 28/08/2026

### TÓM TẮT

Lý Tử Tấn là tri kỷ tri âm, bạn đồng hương, đồng khoa, đồng liêu với Nguyễn Trãi. Ông còn là người biên tập và viết thông luận cho công trình Dư địa chí của Nguyễn Trãi. Nếu trước vụ án Lệ Chi Viên (1442), dù viết về đề tài gì, thơ văn của ông luôn thể hiện niềm lạc quan, niềm tin tươi sáng thì sau vụ án này, thơ của ông thường nhuốm nỗi buồn khôn nguôi, có lúc bi quan yếm thế, muốn lui về ở ẩn, hòa với thiên nhiên đồng nội. Nguyên nhân của sự chuyển biến tâm trạng này phải chăng là do ông bị sốc, bị sang chấn tâm lý sau vụ án? Thông qua việc tìm hiểu thơ văn Lý Tử Tấn viết trước và sau vụ án Lệ Chi Viên, bài viết sẽ phân tích và chứng minh để khẳng định sự sang chấn tâm lý của Lý Tử Tấn là có thật sau khi người bạn tri kỷ của mình bị hàm oan và tru di.

**Từ khóa:** Sang chấn tâm lý; Lý Tử Tấn; bạn tri kỷ; Vụ án Lệ Chi Viên; Nguyễn Trãi.

### ABSTRACT

Ly Tu Tan was Nguyen Trai's soulmate, he passed the Đình exam and became mandarins with Nguyen Trai during the Ho and Later Le dynasties. He is also the editor and commentator for Nguyen Trai's work Du Dia Chi. If before the Le Chi Vien case (1442), no matter what topic he wrote about, his poems always expressed optimism and bright faith, then after this case, his poems were often tinged with unbearable sadness, sometimes pessimistic. Therefore, he wanted to retreat to live in harmony with the nature of the countryside. Is the cause of this change in mood because he was shocked and psychologically traumatized after the case? Through studying the poetry and literature written by Ly Tu Tan before and after the Le Chi Vien case, the article will analyze and prove to confirm that Ly Tu Tan's psychological trauma was real after his soulmate died unjustly accused and exiled.

**Keywords:** Psychological trauma; Ly Tu Tan; Soulmate; Le Chi Vien case; Nguyen Trai.

### MỞ ĐẦU

Trong tâm lý của con người thời trung đại chịu ảnh hưởng của văn hóa Nho giáo thì những người cùng tuổi (đồng tuế), cùng quê (đồng hương), cùng học với nhau (đồng môn), thi đỗ cùng khoa (đồng khoa), cùng làm quan dưới một triều đại (đồng liêu), có cùng sở thích và ý hướng (đồng chí) thì thường ở họ có sự tương thông, gần gũi, có thể trở thành bầu bạn tri kỷ tri âm. Ở Lý Tử Tấn và Nguyễn Trãi cũng vậy. Hai ông ở cùng huyện, cùng thi đỗ khoa Thái học sinh, cùng tham gia khởi nghĩa Lam Sơn, cùng làm quan dưới triều nhà Lê sơ, cùng xướng họa

thơ văn với nhau. Có thể nói hai ông là tri kỷ tri âm.

Lý Tử Tấn 李子晉 (1378-1457) hiệu là Chuyết Am, người làng Triều Đông, thuộc huyện Thượng Phúc, trấn Sơn Nam thượng, trước tháng 7 - 2025 thuộc xã Tân Minh, huyện Thường Tín, Hà Nội. Như vậy, ông là người cùng huyện và cùng thi đỗ Thái học sinh năm 1400 dưới triều nhà Hồ với Nguyễn Trãi. Dù đỗ đạt nhưng ông không làm quan cho nhà Hồ, bởi không thấy sử ghi chép việc này. Khi Bình Định vương Lê Lợi khởi nghĩa ở Lam Sơn, Thanh Hóa, khoảng sau năm 1421 ông đến Lỗi Giang yết kiến và được giao chức Văn cáo với nhiệm vụ soạn

thảo công văn, giấy tờ, thư tín ở Viện Hàn lâm. Kháng chiến thành công, hòa bình lập lại, ông làm quan trải qua ba đời vua Thái Tổ (1428-1433), Thái Tông (1433-1442), Nhân Tông (1442-1459), qua các chức vụ Thông phụng đại phu, Hành khiển Bắc đạo, Thừa chỉ viện Hàn lâm, Nhập nội hành khiển tri Tam quán sự, lại kiêm Nhập thị Kinh Diên hầu giảng sách cho nhà vua và các hoàng tử học. Về sáng tác thơ, Lý Tử Tấn có tập thơ chữ Hán *Chuyết Am thi tập* hiện thất lạc, chỉ còn lại 73 bài được Lê Quý Đôn tuyển chọn, chép trong *Toàn Việt thi lục*; phú chữ Hán còn 5 bài được Hoàng Tuy Phu chép trong *Quần hiền phú tập* như *Xương Giang phú* (Phú trận Xương Giang), *Chí Linh sơn phú*, *Thọ vực phú*, *Quảng cư phú*. Ông còn là người biên tập và viết phần Thông luận cho sách *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi, một bộ sách lịch sử địa lý văn hóa đầu tiên của nước nhà, rồi cho khắc in theo lệnh của vua Lê Nhân Tông; ông tham gia hiệu chỉnh, phê điểm, viết lời Tựa sách *Việt âm thi tập*, một tuyển tập thơ đầu tiên của nước nhà, do Phan Thu Tiên biên soạn.

Là bầu bạn tri kỷ tri âm nên Lý Tử Tấn có bài thơ ghi trên vách nhà của Nguyễn Trãi ở chốn công đường để tặng bạn, thể hiện sự thấu hiểu qua việc ngợi ca cốt cách phong thái của bạn tâm giao. Bài *Đề Ưc Trai bích* 題抑齋壁:

心境相逢豈偶然，  
別開城市一林泉。  
憂游禮讓安仁宅，  
出入謙恭樂性天。  
吏散庭前惟草色，  
客來竹外有茶煙。  
公餘退食焚香坐，  
畫軸張琴樂歲年。

Tâm kính tương phòng khải [khởi] ngẫu nhiên,

Biệt khai thành thị nhất lâm tuyền.

Ưu du lễ nhượng an nhân trạch,

Xuất nhập khiêm cung lạc tính thiên.

Lại tán, đình tiền duy thảo sắc,

Khách lai, trúc ngoại hữu trà yên.

Công dư **thoái** thực, **phân** hương tọa<sup>1</sup>,

Họa trục trương cầm lạc tuế niên.

(Lòng phải sáng như gương mới được chốn này, đầu phải ngẫu nhiên,

Tách riêng giữa thành thị đã tạo ra một cảnh lâm tuyền.

Thoái mái trong khuôn phép, lấy lòng nhân làm chuẩn,

Ra vào kính nhường, vui theo tính tự nhiên.

Khi kẻ lại thuộc ra về rồi, trước sân chỉ còn sắc cỏ,

Khách đến chơi thấy khói pha chè bốc ra ngoài giậu tre,

Khi việc quan đã xong lui về đốt hương ngồi một mình,

Lấy bức vẽ, cây đàn làm thú vui qua ngày tháng.<sup>2</sup>)

Dịch thơ: *Đề vách nhà Ưc Trai*

Lòng thanh chọn chỗ há tình cờ,

Thành thị riêng bày một cảnh thơ.

Lễ độ ung dung nhân nghĩa giữ,

Kính nhường đi đứng tính tình ưa.

Giờ tan, sân đất trở màu cỏ,

Khách đến rào tre bốc khói trà.

Xong việc đốt hương ngồi lặng ngắm,

Phím đàn, nét họa tháng ngày qua.<sup>3</sup>

Ý thơ “Khách lai, trúc ngoại hữu trà yên. Công dư thoái thực, phân hương tọa”, người đọc đã từng bắt gặp trong thơ chữ Hán của Ưc Trai trong các bài như *Ngẫu thành*, *Tức sự*, *Mạn hứng* bài 1, *Mạn hứng* bài 3... Ở đó, Nguyễn Trãi có nói cái ý sau khi tan việc, những kẻ lại thuộc đã về, nơi nhà công vụ của quan đứng đầu công sở vắng vẻ nên ông đã đốt gỗ bách gỗ tùng, đốt hương cho khói bay lên để vui cửa vui nhà, rồi pha trà nhâm nhi, ngồi trước sân ngắm cảnh nghĩ ngợi việc đời.

Những thơ văn của Lý Tử Tấn được sáng tác trong thời gian tham gia kháng chiến và những năm đầu hòa bình lập lại dưới triều nhà Lê sơ thường mang cảm hứng lạc quan, thể hiện niềm tin tưởng đối với cuộc sống, đất nước và vương triều, văn thì có những bài như *Xương Giang phú*, *Chí Linh sơn phú*...; thơ có các bài như *Hạ tiếp* (Mừng thắng trận), *Hạ đăng cực* (Mừng vua lên ngôi), *Quan duyệt võ* (Xem duyệt võ), *Tứ hải nhất gia* (Bốn biển một nhà)... Nhưng từ sau cái chết đầy oan khuất của người bạn tâm giao Nguyễn Trãi bởi vụ án Lê Chi viên (1442) oan nghiệt thì dường như ông bị

sốc, bị hụt hẫng tâm lý, mất niềm tin vào triều đại bấy giờ, lúc này thơ của ông lại mang giọng điệu u uất, buồn chán thể hiện nỗi cô đơn, muốn xa lánh lợi danh và chối bỏ quan trường, với thái độ sống thanh cao, nhân hậu, buông xuôi tất cả, bỏ ngoài tai mọi sự đời như bài *Mạn hứng*...

Hãy đọc lại một số thơ văn của ông sẽ thấy rõ nội dung vừa nêu.

Về phú, nổi tiếng nhất là hai bài *Chí Linh sơn phú* và *Xương Giang phú*.

Bài *Chí Linh sơn phú* 至靈山賦, bên cạnh ca ngợi cuộc khởi nghĩa, ca ngợi lãnh tụ Lam Sơn như các bài phú có cùng đề tài của Nguyễn Mộng Tuân, Nguyễn Trãi, Trình Thuần Du, thì ở đoạn lung và đoạn biện nguyên của bài, Lý Tử Tấn còn tập trung ca ngợi hình thể núi linh thiêng, nơi xuất phát cuộc khởi nghĩa thần thánh:

1. Trời dựng núi này chừ cao ngất; Hồ phục rồng chầu chừ hai bên.

Nghiep lớn muôn đời thịnh trị; Xã tắc trăm họ bình yên.

Đây hình thể núi Chí Linh:

Ấn ngữ nơi miền tây nước Việt; Sừng sững khoảng trời đất vô biên.

2. Hãy xem:

Vẻ núi huy hoàng tranh Ngân Hán; Thế núi lẫm liệt ngạo mây cao.

Vách núi dăng dăng như bình phong san sát; Chòm núi lỏm chỏm như tháp ngọc cheo leo.

Mây núi ùn ùn theo tiếng trống giống mõ vang, như muôn vàn linh kỳ;

Sao Ngân lấp lánh lẫn bóng trâm cài hót đeo, tựa trăm quan vào châu.

Rực rỡ rắng mây như cờ quạt; Inh ỏi suối nước tựa nhạc thiều.<sup>4</sup>

Gần cuối cuộc kháng chiến, lúc quân ta đang bao vây thành Đông Quan, thì Bình Định Vương Lê Lợi còn cho các tướng dẫn quân đi triệt hạ các thành lân cận. Cuộc tấn công thành Xương Giang thắng lợi, Lý Tử Tấn viết bài *Xương Giang phú* 昌江賦 (*Phú trận Xương Giang*) mang tính tổng kết để ngợi ca chiến thắng oai hùng của nghĩa quân, mà theo tác giả các trận đánh với khí thế vang danh trong lịch sử chiến tranh như trận Hợp Phì, trận Xích Bích của Trung Quốc thời cổ đại cũng không thể nào so

sánh bằng với trận Xương Giang của quân dân ta vào ngày 03 tháng 11 năm 1427, trận này nghĩa quân Lam Sơn đã tiêu diệt 7 vạn quân Minh xâm lược, đến nỗi xác giặc chất thành núi, máu chảy đầy rãnh đầy hang và giết được tướng Liễu Thăng, bắt sống các tướng Thôi Tụ, Thượng thư Hoàng Phúc, Thượng thư Lý Khánh (mà nội dung này Nguyễn Trãi cũng có nhắc đến trong thơ và phú, đặc biệt là trong *Bình Ngô đại cáo*):

1. Trời đất khéo đặt; Non sông vốn thiêng.

Nơi đây vũ công lừng lẫy; Giúp nên đất nước bình yên.

Lạch thiên nhiên của trời Nam vẫn có; Mở thái bình cho đất Việt khắp miền.

Ấy Xương Giang một sông hình thẳng; Mà dấu thom muôn thuở còn truyền.

(...)

6. Thế rồi:

Bắt Thôi Tụ; Giết Liễu Thăng.

Lý Khánh nộp mạng; Hoàng Phúc đầu hàng.

Toán này xô nhau trở giáo; Toán kia bỏ chạy cùng đoàn.

Thây chất thành gò thành núi; Máu chảy đầy rãnh đầy hang.

Bốn cõi mây mờ quét sạch; Giữa trời ánh sáng huy hoàng.

Kìa trận Hợp Phì oanh liệt khi trước, sao ví bằng đây nhanh chóng;

Trận Xích Bích toàn thắng đời xưa, sao được bằng đây vẻ vang?<sup>5</sup>

Về thơ, những bài như bài *Tứ hải nhất gia* 四海一家 có lẽ được tác giả viết ngay sau khi kháng chiến thành công, hòa bình lập lại, ngợi ca không khí phấn khởi hồ hởi của đất nước, sau ngày cả dân tộc hát khúc khai hoàn:

英明睿算聖神功,

四海車書混大同.

星斗一天皆拱北,

江河萬派盡潮東.

髦倪鼓舞歸王化,

遐邇謳歌偃德風.

盛事千年今幸會,

願賡喜起播無窮.

Anh minh duệ toán thánh thần công,  
 Từ hải xa thư hốn đại đồng.  
 Tình đầu nhất thiên giai củng bắc,  
 Giang hà vạn phái tận triều đông.  
 Mao nghệ cổ vũ quy vương hóa,  
 Hà nhĩ âu ca yển đức phong.  
 Thịnh sự thiên niên kim hạnh hội,  
 Nguyên canh hỷ khởi bá vô cùng.

(Bốn biển một nhà

Mưu lược sáng suốt [nhà vua] đã đưa đến sự  
 nghiệp kỳ diệu,

Bốn biển hòa hợp làm một, như xe cùng một  
 kiểu trục, chữ cùng một lối viết.

Các chòm sao trên bầu trời đều hướng về bắc,  
 Cũng như hàng vạn sông ngòi đều chảy về đông.  
 Già trẻ nhảy múa theo sự giáo hóa của nhà vua,  
 Cũng như các nơi xa gần vui hát thuận với đạo lý.  
 Cảnh thịnh vượng ngàn năm may lại được thấy,

Xin hát vang bài ca đời thịnh trị để truyền tụng  
 mãi mãi.<sup>6)</sup>

Bài *Hạ tiệp* (賀捷 Mừng thắng trận) có lẽ được  
 ông viết ngay sau chiến thắng Đèo Cát Hãn năm  
 1429, lúc này vua Lê Thái Tổ thân chinh đi dẹp  
 loạn, bởi tướng Đèo Cát Hãn đã nghe lời xúi giục  
 của nhà Minh đòi phiên trấn cát cứ vùng Tây Bắc:

蠢彼狂童敢肆凶,  
 暫勞黃鉞遠平戎。  
 天高日麗軍容壯,  
 雷擊颿馳士氣雄。  
 一日笑談擒醜虜,  
 六師踴躍奏膚功。  
 從茲四海無兵革,  
 鼓舞謳歌偃德風。

*Xuẩn bỉ cuồng đồng cảm tứ hung,  
 Tạm lao Hoàng Việt viễn bình hung.  
 Thiên cao nhật lệ quân dung tráng,  
 Lôi kích tiêu trì sĩ khí hùng.  
 Nhất nhật tiểu đàm cầm xú lỗ,  
 Lục sư dũng được tẩu phu công.  
 Tông tư tứ hải vô binh cách,  
 Cổ vũ âu ca yển đức phong.*

(Mừng thắng trận

Lũ xuẩn cuồng đại dám gây rối loạn,  
 Để cho nhà vua phải cầm kiếm đi đánh dẹp.

Nhớ khi gặp trời quang ngày đẹp quân tiến  
 rất anh dũng,

Học chớp giạt gió dâng sĩ khí vẫn hào hùng.  
 Thế là đến ngày vui bàn chuyện bắt giặc,

Cả sáu quân đều nhảy nhót tâu lên công trạng  
 của mình.

Từ nay khắp bốn biển thôi việc binh cách,

Chỉ vui hát thuận với đạo lý trong hạnh phúc  
 chung<sup>7)</sup>.

Nhưng sau vụ án Lê Chi viên oan nghiệt,  
 gia tộc người bạn tâm giao bị tru di, thì thơ ông  
 mang một giọng điệu khác. Nếu ban đầu, thơ  
 ông hay nói đến lý tưởng sống thanh cao, thường  
 phác họa mình là một con người sống đạm bạc,  
 thường tự nhủ mình hãy sống theo đạo trời, đạo  
 trời sẽ chi phối tất cả, bởi lúc này nhà thơ cảm thấy  
 chán nản trước mọi chuyện phức tạp của trường  
 danh lợi; cho nên thơ ông có đôi chút băn khoăn,  
 nhưng chưa đến mức bi phẫn. Tiêu biểu ở mảng  
 thơ này có các bài như: *Hạ nhật* (Ngày hạ), *Sơ  
 thu* (Đầu thu), *Đề Úc Trai bích* (Ghi ở vách nhà  
 Úc Trai), *Tạp hứng* (2 bài)...

Bài *Hạ nhật* 夏日 tả cảnh mùa hè với những  
 nét đặc trưng: hoa lựu đỏ, bóng ngày dài, cơn mưa  
 rào, gió mát ban trưa... trong trạng thái suy nghĩ  
 phú quý giàu sang đều như đám mây nổi:

榴花庭院草池塘,  
 水閣無塵夏影長。  
 疊疊苔錢朝雨淨,  
 陰陰槐幄午風涼。  
 夢回窗外數聲鳥,  
 晝永煙消一簾香。  
 留客茶瓜隨分有,  
 浮雲富貴沒思量。

*Lựu hoa đình viện thảo trì đường,  
 Thủy các vô trần hạ ảnh trường.  
 Điệp điệp đài tiền triều vũ tĩnh,  
 Âm âm hòe ác ngọc phong lương.  
 Mộng hồi song ngoại sở thanh điều,  
 Trú vĩnh yên tiêu nhất thiện hương.*

Lưu khách trà qua tùy phận hữu,  
Phù vân phú quý một tư lương.

(Ngày mùa hạ  
Hoa thạch lựu trước sân, cỏ ở bờ ao,  
Nhà thủy tạ sạch, không có bụi, ngày mùa  
hạ dài.

Nụ rêu lớp lớp như đồng tiền, mưa buổi sáng  
rửa sạch,

Bóng hờn râm mát như màn che, gió ban trưa  
thổi mát.

Ngủ dậy [nghe] chim kêu ngoài cửa sổ vài  
tiếng,

Ngày vắng đót nén hương thơm khói đã tàn.

Khách ở lại dùng trà dùng dưa tùy khi có sẵn,

Giàu sang ở đời như đám mây nổi hơi đâu  
mà lo nghĩ.<sup>8)</sup>

Bài *Sơ thu* 初秋 miêu tả cảnh sắc rất đặc trưng  
lúc mới chớm thu, cây hòe chưa trút lá, hoa sen cuối  
mùa còn tỏa hương, sắc thu với trời thu, nước thu  
cùng một màu loang loáng lấp lánh sáng ngời...  
Nhà thơ ngồi nhâm nhi vài chung rượu cho vui,  
khi hoa cúc (hoa của mùa thu) chưa phô nhụy phô  
sắc vàng trước hàng rào:

槐暑陰陰度粉牆,  
荷花裊裊扇新涼.  
一分秋色勻天色,  
四顧山光接水光.  
紫蟹含黃初上筵,  
香櫟帶綠稍添瓢.  
樽前有酒須行樂,  
莫待東籬菊葉黃.

*Hòe thử âm âm độ phấn tường,  
Hà hoa niểu niểu phiến tân lương.  
Nhất phần thu sắc quân thiên sắc,  
Tứ cổ sơn quang tiếp thủy quang.  
Tử giải hàm hoàng sơ thưởng đoạn,  
Hương duyên đài lục sảo thêm nhương.  
Tôn tiền hữu tửu tu hành lạc,  
Mạc đãi đông ly cúc nhụy [nhị] hoàng.  
(Đầu mùa thu  
Nắng ánh qua tường trắng, bóng hòe râm râm,  
Hương sen dịu dàng theo gió bốc lên.*

Sắc mùa thu lẫn với sắc trời loang loáng,  
Ánh núi lồng vào ánh nước vẻ sáng ngời.  
Cua tía ngâm gạch vào đấng vào đó,  
Phật thủ thơm màu xanh dần dần thêm mùi.  
Trong vò còn có rượu cứ uống cho vui,  
Cần gì phải đợi cho cúc vàng phô nhụy nơi  
giậu đông?<sup>9)</sup>

Bài *Tạp hứng* 雜興 viết theo lối thơ ngũ ngôn  
trường thiên, thể hiện cái nhìn tự tại, bình thản trước  
thời đại, thông qua lời thơ đầy suy ngẫm mang tính  
triết lý về cuộc sống:

雉翳以羽彩,  
龜灼因殼靈.  
散財謝梁棟,  
祝尾免犧牲.  
用舍信有命,  
胡爲勞其生.  
床頭有古書,  
匣裡有青萍.  
讀書味道腴,  
撫劍樂時清.  
俛仰天地間,  
寥寥萬古情.

*Trĩ ế dĩ vũ thái,*

*Quy chúc nhân xác linh.*

*Tán tài tạ lương đông,*

*Chúc vĩ miễn hy sinh.*

*Dụng xả tín hữu mệnh,*

*Hồ vi lao kỳ sinh.*

*Sàng đầu hữu cổ thư,*

*Hạp lý hữu thanh bình.*

*Độc thư vị đạo du,*

*Phủ kiếm lạc thì thanh.*

*Phủ ngưỡng thiên địa gian,*

*Liêu liêu vạn cổ tình.*

(Chim trĩ bị giết vì có bộ lông đẹp,  
Rùa bị nướng vì có cái mai quý.  
Loại gỗ tạp khỏi bị xẻ làm rường cột,  
Trâu cụt đuôi khỏi bị thui làm vật hy sinh.  
Đời dùng hay bỏ là do số phận,  
Cần gì phải lo lắng chạy vạy cho mệt?

Đầu giường có bộ sách xưa,  
Trong hòm có thanh gươm quý.  
Đọc sách thì thấu đạo lý,  
Vỗ gươm vui đời thanh bình.  
Cúi hay ngừng trong khoảng trời đất,  
Miên man mỗi tình muôn thuở.<sup>10)</sup>

thì về sau, thơ ông mang giọng u uất, buồn chán, cô đơn. Bài *Mạn hứng* 漫興 thể hiện quan niệm an bản lạc đạo, ở yên theo mệnh trời, ít nhiều gởi gắm niềm u uất, cô đơn đó:

借問人生為底忙,  
膠膠擾擾利名場。  
窗間野馬乾坤大,  
枕上黃梁日月長。  
弄巧徒勞蛇有腳,  
橫行誰悟蟹無腸。  
何如樂道安天命,  
損益隨宜任取將。

Tả vấn nhân sinh vị để mang,  
Giao giao nhiễu nhiễu lợi danh trường.

Song gian dã mã càn khôn đại,  
Chẩm thượng hoàng lương nhật nguyệt trường.

Lộng xảo đồ lao xà hữu cước,  
Hoành hành thùy ngộ giải vô tràng.

Hà như lạc đạo an thiên mệnh,  
Tổn ích tùy nghi nhiệm thủ tương.

(Thử hỏi người đời có sao phải ngược xuôi tất tả,

Mắc mủ vướng víu mãi trong trường danh lợi.

Ngồi tựa cửa sổ ngắm cảnh ngựa lồng mà tưởng  
trời đất lớn,

Nằm kê gối mộng kê vàng mà nghĩ ngày tháng dài.

Khéo vẽ rắn thêm chân làm gì cho mệt,

Ai lạ gì loài cua bò ngang là không có ruột.

Sao bằng cứ vui đạo ở yên theo mệnh trời,

Dù được dù mất tùy theo đó mà định liệu<sup>11)</sup>.)

Qua trình bày như trên, rõ ràng tâm trạng của Lý Tử Tấn có sự chuyển biến. Nếu ban đầu thơ của ông thể hiện niềm tin yêu cuộc sống, tin tưởng lạc quan đối với đất nước, với triều đại, thì về sau có đôi chút băn khoăn, phân vân, nhưng chưa đến mức bi phẫn, rồi cuối cùng là nỗi niềm u uất, cô đơn. Có sự chuyển biến, đổi thay trong tâm trạng này

phải chăng là do ông vỡ mộng, bị sốc, bị hụt hẫng hay nói cách khác là bị sang chấn tâm lý, bởi mất niềm tin vào lý tưởng, vào triều đại mà ông đang tôn thờ, đang phục vụ, nhất là sau vụ án Lệ Chi viên, người bạn tâm giao Nguyễn Trãi của ông cùng gia tộc bị tru di!

Về nghệ thuật, trong những sáng tác hiện còn, có thể thấy thơ và phú của Lý Tử Tấn mang phong cách bình đạm, giản dị. Câu thơ thường chân chất, không khuôn sáo, không đậm nét trữ tình như thơ Nguyễn Trãi, thông qua một không gian nghệ thuật nhẹ nhàng, lắng lẽ, trong tĩnh. Cái không gian như vậy chỉ có thể thấy trong thế giới tinh thần tĩnh tại Á Đông khi xưa. Điều này có thể minh chứng bằng quan niệm về sáng tác của ông. Trong lời tựa sách *Việt âm thi tập*, Lý Tử Tấn viết khi san định tuyển tập do Phan Phu Tiên biên soạn trước đó, ông đã nêu quan niệm của mình về phép làm thơ cách luật. Ông viết “*Tôi cho rằng phép làm thơ khó lắm thay! Thơ luật chỉ có 56 chữ, thơ tuyệt cú lại chỉ có 28 chữ, mà đủ mọi thể cách. Muốn thơ cổ kính, thanh đạm thì lại gần với thơ; muốn đẹp dễ, phong phú thì lại gần sự lờ lợt; hào phóng thì dễ buông thả, thật thà thì dễ quê mùa. Cho nên lời ý giản dị đầy đủ, mạch lạc thông suốt, chất phác mà vẫn nhã, mới lạ mà không trúc trắc, trung hậu nhưng không thô kệch, cao siêu mà vẫn ôn hòa, đó là những điều rất khó có thể đạt được*”.

Nhận xét về Lý Tử Tấn, Phan Huy Chú trong *Lịch triều hiến chương loại chí* có viết: “Ông tiêu dao ở các chức nhàn tản, là bậc nhà nho có tuổi thời bấy giờ. Thơ ông chuông giản dị, phần nhiều có ý thơ cổ”; còn Lê Quý Đôn trong *Kiến văn tiểu lục*, mục *Tài phẩm* thì đánh giá “ông là người danh vọng, đức độ, kỳ cựu, túc học...”.

Xét đến cùng, Lý Tử Tấn là một nhà nho nhập thế, luôn làm tròn chức trách của mình, nhưng không hề bị công danh làm lụy. Ông xứng đáng được tôn vinh là bậc danh sĩ, là nhà nho đức nghiệp của Việt Nam ở thế kỷ XV.

## CÁC CHÚ THÍCH

<sup>1</sup> Câu này trong *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 4, NXB KHXH, Hà Nội, tái bản, 2000, tr. 241, bản in ghi là “Công dư **thái** thực” và “**phần** hương” là không rõ nghĩa, theo tôi có lẽ là do đánh máy in nhầm, mà chính xác phải ghi là “Công dư **thoái** thực” (Việc quan đã xong) và “**phần** hương” (đốt hương).

<sup>2</sup> Bùi Văn Nguyên chủ biên. 2000. *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 4. NXB KHXH. Hà Nội. Tái bản. Tr.241.

<sup>3</sup> Trịnh Đình Rư dịch, In trong Bùi Văn Nguyên chủ biên. 2000. Tlđđ. Tr.242.

<sup>4</sup> Vân Trình dịch, Bùi Văn Nguyên chủ biên. 2000. Tlđđ. Tr. 254,255.

<sup>5</sup> Bùi Văn Nguyên dịch lại dựa theo bản dịch của Trịnh Đình Rư (trong *Hoàng Việt thi văn tuyển*, NXB Văn hóa, Hà Nội, 1961). Bùi Văn Nguyên chủ biên. 2000. Tlđđ. Tr. 256 và 260.

<sup>6</sup> Bùi Văn Nguyên chủ biên. 2000. Tlđđ. Tr. 242, 243.

<sup>7</sup> Bùi Văn Nguyên chủ biên. 2000. Tlđđ. Tr. 244.

<sup>8</sup> Bùi Văn Nguyên chủ biên. 2000. Tlđđ. Tr.246, 247.

<sup>9</sup> Bùi Văn Nguyên chủ biên. 2000. Tlđđ. Tr.248.

<sup>10</sup> Bùi Văn Nguyên chủ biên. 2000. Tlđđ. Tr. 240, 241.

<sup>11</sup> Bùi Văn Nguyên chủ biên. 2000. Tlđđ. Tr. 249, 250.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

Chú, P. H. (1961). *Lịch triều hiến chương loại chí* (Mục Văn tịch chí; Viện Sử học, Biên dịch & Chú giải). NXB Sử học.

Đôn, L. Q. (1962). *Kiến văn tiểu lục* (Trúc Viên Lê Mạnh Liêu, Dịch chú). Bộ Quốc gia Giáo dục.

Lý, N. C. (2018). *Văn học Việt Nam thời Lê - Mạc, Nam Bắc phân tranh*. NXB ĐHQG TP.HCM.

Lý, N. C. (2024). *Văn học cổ điển Việt Nam I (thế kỷ X - thế kỷ XVII)*. NXB ĐHQG TP.HCM.

Nguyên, B. V. (Chủ biên). (2000). *Tổng tập văn học Việt Nam* (Tập 4; Tái bản). NXB Khoa học Xã hội.

Viện Sử học. (1976). *Nguyễn Trãi toàn tập* (Đào Duy Anh, Phiên âm & Dịch chú; in lần thứ 2). NXB Khoa học Xã hội.